

Số: 62 /2016/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND9 ngày 16/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 112A/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương, nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định về việc thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp và chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (gọi chung là người sử dụng đất) từ đất trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp phải nộp một khoản tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

b) Đối với các dự án phục vụ mục đích công cộng, làm đường giao thông do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ngành quyết định đầu tư thì số tiền phải nộp để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa được dự toán trong tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt.

c) Đối với số diện tích đất trồng lúa đã có Quyết định chuyển mục đích sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 (ngày Nghị định số 35/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) nhưng chưa có thông báo nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa và các trường hợp chuyển mục đích đất trồng lúa từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

d) Đối với các trường hợp thu hồi đất trồng lúa giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao cho các chủ đầu tư thực hiện dự án thì Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa và thu lại số tiền này khi bàn giao đất cho các chủ đầu tư theo quy định.

3. Mức tiền phải nộp

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = diện tích đất trồng lúa nước chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp (x) Giá của loại đất trồng lúa (tính theo Bảng giá đất quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh) quy định tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất (x) 70%.

4. Xác định và phê duyệt số tiền thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Diện tích đất nông nghiệp trồng lúa nước thu hồi, chuyển mục đích sử dụng sang mục đích phi nông nghiệp được xác định cụ thể trên Quyết định thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số tiền thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định diện tích và số tiền thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đồng thời với việc xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất chuyển sang Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp thuộc diện được giao đất không thu tiền sử dụng đất thì Sở Tài nguyên và Môi trường xác định diện tích đất nông nghiệp trồng lúa thu hồi, chuyển mục đích sử dụng sang mục đích đất phi nông nghiệp chuyển sang Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp ngân sách theo quy định trước khi bàn giao đất trên thực địa cho chủ đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định phê duyệt số tiền thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trồng lúa nước sang mục đích đất phi nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo đề nghị của Trưởng phòng Tài Chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố.

Việc xác định và phê duyệt được thực hiện đồng thời với việc xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất của dự án. Trường hợp thuộc diện được giao đất không thu tiền sử dụng đất thì Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố xác định diện tích đất nông nghiệp trồng lúa thu hồi, chuyển mục đích sử dụng sang mục đích đất phi nông nghiệp chuyển sang phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố thẩm định trình Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt, thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp ngân sách theo quy định trước khi bàn giao đất trên thực địa cho hộ gia đình, cá nhân.



d) Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý số tiền thu được để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền thu được để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

5. Chế độ quản lý, sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

a) Số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa được nộp vào ngân sách nhà nước và được phân chia nguồn thu như sau:

- Ngân sách cấp tỉnh được hưởng 100% số tiền thu được theo thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng 100% số tiền thu được theo thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiền thu do người sử dụng đất nộp vào ngân sách theo quy định tại Điểm a Khoản này được sử dụng để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo các nội dung như sau:

- Chi phí lập quy hoạch, lập bản đồ các vùng đất trồng lúa có năng suất, chất lượng cao phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công bố công khai để tổ chức triển khai thực hiện;

- Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất trồng lúa có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo đất trồng lúa phù hợp;

- Cải tạo nâng cao chất lượng đất trồng lúa: Tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, bón vôi; thau chua đối với đất bị nhiễm phèn và các biện pháp cải tạo đất khác;

- Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng trên đất trồng lúa theo quy hoạch được duyệt;

- Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất trồng lúa;

- Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa chất lượng cao theo các chính sách quy định của tỉnh.

6. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí

a) Về lập dự toán

- Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp trên địa bàn, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan, căn cứ vào kế hoạch chuyển đất trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện, thị xã,



thành phố, dự kiến khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định.

b) Việc chấp hành dự toán và quyết toán:

Việc chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Kiểm tra việc nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

a) Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với các trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định) và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (đối với các trường hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định) có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp trên địa bàn từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 đến ngày ban hành Quyết định này để xác định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa phải nộp theo quy định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm kiểm tra kết quả nộp tiền để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp chưa nộp tiền vào ngân sách tỉnh thì yêu cầu người sử dụng đất nộp tiền trước khi thực hiện thủ tục bàn giao đất, cấp trích lục bản đồ khu đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

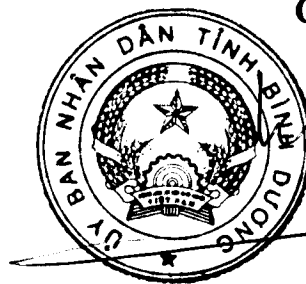
Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Bình Dương;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh Bình Dương;
- Website tỉnh Bình Dương;
- LĐVP, Tạo, Thi, KTN, TH, HCTC;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm